

TỔ CHỨC QUẢN LÝ GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM TRONG BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN THỜI PHÁP THUỘC TRƯỚC NĂM 1945

TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA*

Giáo dục được coi là công cụ quan trọng trong chính sách cầm quyền của thực dân Pháp ở Việt Nam. Ngay từ khi mới xâm chiếm Nam Kỳ, thực dân Pháp đã chủ trương thiết lập một hệ thống giáo dục hoàn toàn mới thay thế cho nền giáo dục Nho học truyền thống vốn đã bắt rễ trong đời sống tinh thần của người Việt. Chủ trương này được thực hiện với những bước đi khác nhau ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ và Trung Kỳ nhưng đều hướng tới một mục tiêu chung là xóa bỏ nền giáo dục cũ, xây dựng một nền giáo dục kiểu mới. Để làm điều đó, các cơ quan quản lý giáo dục đã từng bước được thiết lập như một bộ phận quan trọng trong bộ máy chính quyền thực dân. Bài viết này sẽ xem xét hoạt động của các cơ quan quản lý giáo dục ở Việt Nam trong hai giai đoạn chính: từ 1864 đến 1918 với những khác biệt trong quản lý giáo dục giữa ba kỳ; từ 1918 đến 1945 với hệ thống quản lý giáo dục thống nhất.

1. Giai đoạn từ 1864 đến 1918

Tác giả Tạ Thị Thuý trong một nghiên cứu gần đây về lịch sử Cận đại Việt Nam

đã đánh giá về những đổi mới trong giáo dục ở giai đoạn này: “Trường học được lập và tổ chức theo mô hình hiện đại, vận hành theo kiểu công nghiệp: học chính quy, được tổ chức chặt chẽ theo hệ thống ngành dọc, giống như nhà máy - tập trung và đúng giờ giấc; chương trình học theo từng cấp, từng hệ, tương đối được thống nhất” (1). Điểm xuất phát cho những đổi mới này bắt đầu từ việc tổ chức lại cơ quan quản lý giáo dục và sự can thiệp mạnh mẽ của những cơ quan này trong hoạch định chính sách, yêu cầu về giáo viên, xác lập chương trình, sách giáo khoa... khác hẳn so với cách tổ chức giáo dục do triều đình phong kiến quy định. Để có thể hiểu được những đổi mới trong tổ chức bộ máy quản lý giáo dục dưới thời Pháp, chúng ta xem lại cách tổ chức quản lý giáo dục dưới triều Nguyễn.

a. Quản lý giáo dục dưới triều Nguyễn

Cũng như các triều đình phong kiến Việt Nam khác, triều Nguyễn chú trọng đến học hành thi cử vì đây là con đường quan trọng nhất giúp nhà nước tuyển chọn được người tài phục vụ cho bộ máy. Tuy

* TS. Viện Nghiên cứu châu Âu

nhien, nhà nước chỉ tham gia trực tiếp vào việc bổ nhiệm chức quan phụ trách việc học và chỉ đạo việc thi cử mà thôi. Điều này được thể hiện rõ trong các điều luật. Bộ *Đại Nam điển lệ toát yếu* do Nguyễn Sĩ Giác soạn từ các bộ luật phong kiến Việt Nam đã ghi lại những quy tắc luật lệ, trong đó các mục về giáo dục chỉ chiếm một phần nhỏ (2). Năm 1909, nhân có những thay đổi trong giáo dục ở Việt Nam, Hiệp biện Đại học sĩ Đỗ Văn Tâm đã ghi lại những điều thiết yếu, soạn thành một bộ gọi là "*Đại Nam điển lệ toát yếu*", có bổ sung nhiều điều trong cải cách giáo dục năm 1906. Bộ *Đại Nam điển lệ toát yếu* dày khoảng 160 trang này được Phan Kế Bính dịch sang quốc ngữ, *Đông Dương tạp chí* in lại thành quyển riêng (3). Qua cuốn sách này có thể xác định nhà nước phong kiến chủ yếu đảm nhiệm những việc sau: 1) Phân bổ chức quan trông coi việc học; 2) Tổ chức việc thi cử.

Triều Nguyễn có 6 bộ quản lý các việc triều chính, trong đó việc học thuộc phạm vi của bộ Lễ. *Đại Nam điển lệ toát yếu* ghi lại công việc của bộ Lễ như sau "Lễ Bộ - Phàm các việc triều hội khánh hạ, tế tự, tôn phong, tỉnh phương, mệnh tướng, đơn lân, nhu viễn, cùng là cách thức học hành thi cử, tinh biểu cho người sống lâu người có hạnh nghĩa, phong thụy cho các thần nhân đều ở bộ này" (4). Đến năm 1907, triều Nguyễn lập thêm bộ Học đứng đầu là Thượng thư Cao Xuân Dục. Sau khi cụ Cao Xuân Dục hồi hưu, bộ Lễ trở lại nắm việc học (5). Có thể thấy việc học hành thi cử (mà chủ yếu là việc thi cử) chỉ là một phần trong hoạt động của bộ Lễ. Công việc này do ba chức quan đảm nhiệm: Đốc học (chánh ngũ phẩm), Giáo thụ (chánh thất phẩm), Huấn đạo (chánh bát phẩm), được hưởng lương bổng của nhà nước. Đời Tự

Đức quy định chức Đốc học lấy trong Tiến sĩ, Phó bảng hay Cử nhân xuất thân. Chức Giáo thụ và Huấn đạo thường lấy trong số Tú tài, và được các quan địa phương khảo hạch, nếu thấy đủ phẩm chất sẽ được tuyển chọn. Về mặt hành chính, các chức quan phụ trách việc học được phân bổ như sau: Các tỉnh lớn và tỉnh nhỏ đều có một Đốc học (và một học nha giúp việc cho Đốc học), đứng hàng thứ tư sau Tổng đốc, Bố chánh và Án sát. Các phủ có Giáo thụ (đứng ở hàng cuối trong số các quan ở phủ), các huyện đều có Huấn đạo (đứng ở hàng cuối trong số các quan ở huyện). Về các quy tắc dạy học thì luật phong kiến quy định khá sơ sài. *Đại Nam điển lệ toát yếu* chỉ có vài điều ngắn ngủi như sau: "Năm Minh mệnh thứ 19 lệ định: trường học tỉnh, do Đốc học chiếu lệ trường mà giảng dạy đã đành, ngoài ra, Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh, Án sát cũng nên mỗi tháng ra đầu văn một ký cho học trò tập, ai ưu hạng thì thưởng giấy bút, để cho học trò khuyến gắng với nhau. Năm Thành Thái thứ 2 lệ định các tỉnh phải xem xét sĩ số ở trường huấn giáo phủ huyện và các trường tư ở nơi thôn xã xem được bao nhiêu học trò, và kê trình đầy đủ".

Kể từ cải cách giáo dục năm 1906, tất cả việc bổ nhiệm quan lại, bao gồm cả quan lo việc học đều thuộc quyền quyết định của các thủ hiến người Pháp. *Đại Nam điển lệ toát yếu* ghi "Ngày tháng 11 năm Thành Thái thứ 18 (tức tháng chạp năm 1906), quan Thống sứ nghị định: việc thăng trật của quan lại An Nam, mỗi cuối năm lập một sổ biên hết quan chức (tổng đốc, tuần phủ, án sát, đốc học, tỉnh thương tá, quản đạo, tri phủ, tri huyện, tri châu, thông phán, kinh lịch, giáo, huấn, hậu bổ, chánh phó đề đốc, chánh phó lãnh binh...) ai là người đáng thăng thì lên sổ tư trình về

quan Thống sứ Bắc Kỳ thẩm duyệt. Quan lại nào năm ấy đích thực có công lao xuất sắc thì không có tên trong sổ thăng bổ cũng được thăng bổ quan chức. Còn như các tên đã liệt vào sổ thăng bổ rồi, nếu xét chưa đáng thì quan Thống sứ có thể bỏ đi. Quan Toàn quyền đã chiếu y nghị định Thống sứ Bắc Kỳ" (6). Như vậy, có thể thấy sau năm 1906, việc học ở Bắc Kỳ hoàn toàn do chính quyền Pháp chỉ đạo. Ở Trung Kỳ, bộ Học lập ra năm 1907 chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn. Năm 1906, triều Nguyễn ban hành *Bản quy chế giáo dục 1906* áp dụng cho việc học ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, lần đầu tiên quy định cụ thể các bậc học và chương trình học cho từng cấp (7). Tháng 11 cùng năm, thống sứ Bắc Kỳ đã ban hành một nghị định với 67 điều có chỉnh sửa một số khoản so với Bản quy chế giáo dục 1906. Sau đó, triều Nguyễn không đưa thêm quyết sách cụ thể nào, mọi việc liên quan đến học hành thi cử về thực chất đều do chính quyền Pháp ban hành và điều phối, đặc biệt trong việc đổi mới hệ thống quản lý giáo dục sẽ bàn đến dưới đây.

b. Đổi mới trong quản lý giáo dục ở Việt Nam - sự khác biệt giữa ba kỳ (1864-1918)

Mặc dù mục tiêu giáo dục thực dân là như nhau trên toàn xứ Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng nhưng thực tiễn các bước đi giáo dục phụ thuộc vào tốc độ xâm lược của đội quân viễn chinh Pháp và của bộ máy quản lý chính quyền ở từng xứ. Theo đó, xứ Nam Kỳ, được coi là thuộc địa (colonie) của Pháp, đã tiến hành cải cách giáo dục sớm nhất, đặt cơ quan quản lý giáo dục kiểu mới (Sở Học chính Nam Kỳ) ngay khi chính quyền chuyển sang chế độ quản lý dân sự thay cho chế độ quân sự (Đô đốc). Bắc Kỳ và Trung Kỳ mặc dù cùng chịu chế độ Bảo hộ (Protectorat) nhưng có

những cơ quan quản lý giáo dục khác nhau: kể từ năm 1905, Sở Học chính Bắc Kỳ chịu trách nhiệm giám sát việc học và thi cử ở xứ này; trong khi đó giáo dục Trung Kỳ nằm dưới sự quản lý của Sở học chính Trung Kỳ, cơ quan giáo dục do Pháp lập ra. Năm 1907, Bộ Học được lập ra thuộc triều đình Huế quản lý nhưng chỉ để lại những dấu ấn hết sức mờ nhạt.

Ngay từ năm 1862, sau khi chiếm xong ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, thực dân Pháp đã đặt chế độ thuộc địa ở xứ này. Trước đó, năm 1861, Đô đốc Charner đã ký quyết định mở trường thông ngôn Collège d'Adran để đào tạo thông ngôn, phục vụ cho việc phiên dịch đồng thời cung cấp giáo viên cho các trường học sau này. Theo khảo sát của nhà sử học Philippe Devillers, năm 1864, chính quyền thuộc địa đã ra quyết định mở trường học quốc ngữ ở các các tỉnh, huyện quan trọng nhất của Nam Kỳ và mỗi trường do một viên thông ngôn đảm nhiệm. Cuối năm 1864 có hai mươi trường được mở với 300 học sinh, bốn năm sau con số này tăng lên 104 trường học với 3.200 học sinh (8). Năm 1864 cũng diễn ra kỳ thi Nho học cuối cùng ở Nam Kỳ (9). Các trường Nho học dần đóng cửa, tất cả các quan học chính gồm Đốc học, Huấn đạo, Giáo thụ đều bị triệu hồi về Huế (10). Ở Nam Kỳ, các trường học mới có tầm quan trọng đặc biệt vì nó đào tạo ra một thế hệ những quan cai trị mới phục vụ cho mục đích thực dân, tương tự như việc đổi từ hệ thống hành chính cấp tỉnh sang hệ thống cấp hạt (circonscriptions) và cấp quận (arondissement), theo đúng mô hình tổ chức chính quyền kiểu Pháp.

Vào tháng 3 năm 1879, Thống đốc Jules Lafont đã ra nghị định thành lập Sở học chính Nam Kỳ và lập hệ giáo dục Pháp-Việt (11). Nghị định này gồm 45 điều, quy

định các loại trường học công Pháp-Việt kiểu mới, chế độ tài chính, chương trình học, hệ thống bằng cấp (12). Theo đó, việc học tại các trường công lập đều được miễn phí, các trường Tiểu học và Trung học sẽ chuyển thành Cấp Một, Cấp Hai và Cấp Ba. Các trường học mới được xây dựng ở những hạt và quận quan trọng nhất (khoảng hai mươi trường đầu tiên). Hầu như tất cả các môn học đều học bằng tiếng Pháp ở các bậc học thấp nhất. Ngoài ra, chữ Quốc ngữ cũng được đưa vào chương trình nhưng chỉ chiếm phần nhỏ. Tháng 7 năm 1879, Le Myre de Vilers sang nhậm chức và trở thành Thống đốc dân sự đầu tiên thay thế cho các Đô đốc nắm quyền trước đó. Năm 1880, đích thân de Vilers ra nghị định lập trường Trung học Mỹ Tho, là trường Trung học Pháp-Việt công lập đầu tiên ở Nam Kỳ, thể hiện sự hoàn thiện của hệ thống giáo dục công dành cho dân bản xứ với đầy đủ các bậc học (13).

Ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, nền hành chính và tài chính cho việc quản lý học chính công lập dành cho người bản xứ được thiết lập muộn hơn. Sau khi thôn tính Bắc Kỳ vào năm 1882, hai năm sau Pháp ký Hoà ước Patrenôte với triều đình Huế xác lập nền bảo hộ ở hai xứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Paul Bert đến Hà Nội tháng 4 năm 1886 nhậm chức Tổng trú sứ đầu tiên của Trung-Bắc Kỳ. Năm quyền trong một thời gian ngắn chưa tới một năm, Paul Bert đã kịp chỉ định Gustav Dumoutier, một chuyên gia về Hán học và Đông phương học làm nhà tổ chức và thanh tra giáo dục Pháp-Việt (14). Trong điều kiện kinh phí eo hẹp (15), các trường công phát triển khá chậm chạp. Ngoài trường Thông ngôn lập ra theo quyết định ngày 27-1-1886 của tướng Warnet nhằm đào tạo phiên dịch là trường công lập có đầu tư, từ ngân sách

bảo hộ, các trường Tiểu học Pháp-Việt hoạt động từ các nguồn tài chính khác nhau, đa số là từ nguồn tư nhân hoặc của địa phương. Trường Thông ngôn không chỉ đào tạo phiên dịch phục vụ cho quân đội và bộ máy hành chính mà còn đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo nguồn giáo viên cung cấp cho các trường học sau này. Trường Thông ngôn Hà Nội đã đào tạo một thế hệ những người có tầm ảnh hưởng quan trọng trong giới học chính, báo chí, chính trị gia như Phạm Duy Tốn (nhà văn, tham gia dạy tiếng Pháp cho Đông Kinh nghĩa thực), Nguyễn Văn Vĩnh (nổi tiếng là anh cả của làng báo Bắc Kỳ, từng làm thư ký cho Tiểu ban Học chính của Viện Dân biểu Bắc Kỳ), Phạm Quỳnh (chủ bút *Nam Phong*, sau làm Thượng thư Bộ Học), Trần Trọng Kim (là người bản xứ đầu tiên làm thanh tra giáo dục tiểu học, sau làm Đốc học các trường Hà Nội), Trần Văn Khánh (hiệu trưởng đầu tiên phụ trách trường sư phạm đào tạo giáo viên cho trường Pháp-Việt), Nguyễn Văn Ngọc (Đốc học Hà Đông), Nguyễn Văn Tố (Hội trưởng Hội Trí Tri, Hội Truyền bá quốc ngữ)...

Năm 1897, Paul Doumer sang nắm quyền và bắt đầu công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Đông Dương. Doumer đóng vai trò rất quan trọng trong việc thiết kế bộ máy chính quyền thuộc địa trong bối cảnh *"một thuộc địa có viên Toàn quyền, nhưng không có chính quyền, ngân sách nghèo nàn ở tất cả các xứ"* (16). Mục tiêu mà Doumer đặt ra là *"phải tìm kiếm công cụ để hoạt động, chính là quyền lực và tiền"* (17). Để củng cố chính quyền, Doumer thu tóm mọi quyền lực, lập ra một Hội đồng cấp cao để giúp việc cho Toàn quyền gồm những người đứng đầu các ban ngành là người Pháp cũng như người Việt, tổ chức bộ

máy với các Nha (services) như Nha thuế quan, Nha Nông nghiệp và thương mại, Nha Công chính, Nha Bưu điện và lập ngân sách liên bang, do Toàn quyền trực tiếp quản lý. Trong danh mục này, không thấy có mặt Nha Học chính (18).

Các cơ quan quản lý giáo dục cho Bắc Kỳ và Trung Kỳ chỉ chính thức được thành lập dưới thời Toàn quyền Paul Beau. Trong vòng ba năm, Paul Beau liên tiếp ra nghị định thành lập ba cơ quan giáo dục quan trọng là Hội đồng Học chính Bắc Kỳ (Conseil Local de l'Instruction publique au Tonkin) (ngày 27 tháng 4 năm 1904); Tổng Nha học chính Đông Dương (Direction Générale de l'Instruction Publique), bao gồm các Sở Học chính (Services locaux de l'Enseignement), trong đó có Sở Học chính Bắc Kỳ, Trung Kỳ (ngày 20 tháng 6 năm 1905), Henri Gourdon được cử làm Tổng giám đốc của Tổng Nha Học chính Đông Dương; Hội đồng Hoàn thiện giáo dục bản xứ Đông Dương (Conseil de perfectionnement de l'Enseignement indigène en Indochine) (ngày 8-3-1906). Toàn quyền Paul Beau ký Nghị định thành lập Hội đồng Hoàn thiện giáo dục bản xứ Đông Dương. Hội đồng nhóm họp lần đầu tiên vào tháng 4 năm 1906 với sự có mặt của vua Thành Thái và Toàn quyền Paul Beau. Sau một tháng bàn bạc thảo luận, Hội đồng đã soạn ra bản quy chế giáo dục, đưa ra những quy định về cải cách trường học và thi cử Nho giáo bản xứ (19). Ngày 16-11-1906, Thống sứ Bắc Kỳ ban hành Nghị định gồm 67 điều về việc học ở Bắc Kỳ, ngày 21 cùng tháng, Nghị định đã được Toàn quyền Đông Dương khi đó là Broni phê duyệt (20). Nghị định quy định việc quản lý các trường Nho giáo, trường Pháp và Pháp-Việt, gồm trường công và trường tư. Mặc

dù kinh phí cho các trường công Nho giáo ở bậc ấu học do làng xã chịu trách nhiệm, giáo viên các trường này, từ bậc Ấu học, Tiểu học đến Trung học đều do Giám đốc Học chính phê duyệt. Đồng thời, Sở Học chính quy định chương trình học và môn học cụ thể cho từng bậc học. Đây là điểm khác biệt cơ bản so với giáo dục truyền thống đã tồn tại gần ngàn năm ở Việt Nam là nhà nước chỉ tổ chức và quy định việc thi cử, còn việc học thì người dân tự phần tự tổ chức lấy. Ở giai đoạn này, các chức vụ quan học chính truyền thống vẫn được duy trì: Huấn đạo lo việc học ở Huyện, Giáo thụ lo việc học ở trường Phủ (các trường Tiểu học), đồng thời giám sát việc học của các trường ấu học do thầy đồ đảm nhiệm. Đốc học lo việc học ở các trường Tỉnh, đồng thời kiểm tra việc học tập giảng dạy ở làng xã, huyện, phủ. Tuy nhiên, công việc quan trọng nhất của Huấn đạo, Giáo thụ và Đốc học vẫn là đôn đốc việc thi cử Nho giáo (kéo dài đến năm 1915 ở Bắc Kỳ).

Việc học ở Bắc Kỳ gần như không có sự can thiệp của triều đình nhà Nguyễn. Khảo sát hoạt động của Hội đồng hoàn thiện giáo dục bản xứ Bắc Kỳ, có thể thấy sự tham gia rất sâu của chính quyền Pháp vào việc quy định chương trình học cũng như thi cử. Các quan học chính người Việt đều hoạt động dưới sự kiểm soát của Sở Học chính đứng đầu là người Pháp. Bản Quy chế giáo dục của triều đình Nguyễn năm 1906 quy định kể từ kỳ thi Hương năm 1906 bao gồm cả môn thi quốc ngữ. Trên thực tế, Nghị định ra ngày 16-11-1906 được Toàn quyền Đông Dương phê duyệt không nói rõ thời điểm tiến hành kỳ thi cải cách. Chỉ đến Nghị định số 62 do Thống sứ Bắc Kỳ ký ngày 30-3-1908 mới quy định cụ thể chương trình thi

Hương, theo đó kỳ thi Hương năm 1909 là kỳ cải cách đầu tiên (21).

Nếu nhìn vào thành phần Hội đồng hoàn thiện giáo dục bản xứ sẽ thấy đại diện từ chính quyền đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ra quyết định. Chẳng hạn trong kỳ họp ngày 22-3-1907 của Hội đồng có những thành phần sau: Chủ tịch: Prêtre, chuyên viên hạng nhất của Nha dân sự (Services Civils); Phó chủ tịch: Simonin, Giám đốc Học chính Bắc Kỳ; các thành viên khác gồm: Bouzat, chuyên viên Nha dân sự, thành viên của Hội đồng Hoàn thiện giáo dục bản xứ Đông Dương; Đỗ Văn Tâm: Tổng đốc, đồng thời Phó thanh tra thuộc Nha dân sự; Deletie, thay mặt Hiệu trưởng trường Sư phạm; Thân Trọng Huế: Giám đốc trường Hậu bổ; Bùi Đình Tá: Nha dân sự; Glyer: Hiệu trưởng Trường Jules Ferry (Nam Định); Leonet: Hiệu trưởng Trường Thông ngôn; Nguyễn Văn Bản: Đốc học tỉnh Hà Nam; Bùi Khánh Diên: Đốc học tỉnh Hưng Yên; Russier: Trưởng ban thư ký của Tổng Nha Học chính, thư ký cuộc họp. Cuộc họp ngày 4-4 cùng năm với thành phần không đổi đã thông qua những sách giáo khoa dùng trong trường Nho giáo gồm: ở bậc Ấu học dùng sách quốc ngữ của Trần Văn Thông, sách dạy chữ Hán của Ban tu thư; ở bậc Tiểu học dùng 3 sách bằng quốc ngữ là: 1) Sách về Vật lý và Tự nhiên của Trần Văn Khánh và Phạm Văn Hữu, 2) sách Toán cũng của hai tác giả này, 3) sách Pháp chế của Phạm Văn Thụ. Bậc Tiểu học còn dùng thêm 2 cuốn bằng chữ Hán là Lịch sử Trung Quốc 2 tập.

Nếu ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ, các trường nằm trong sự quản lý trực tiếp của Sở Học chính thì ở Trung Kỳ, triều đình Huế vẫn tiếp tục nắm vai trò quan trọng trong tổ chức học tập và thi cử Nho giáo. Năm 1907,

Bộ Học được lập ra, đứng đầu là Thượng thư Cao Xuân Dục, quản lý các trường Nho học ở Trung Kỳ.

Cho tới năm 1918, ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, các trường Nho học công lập được tổ chức lại theo ba bậc (Đồng ấu, Tiểu học, Trung học) tồn tại song song cùng các trường Pháp-Việt với số lượng chiếm đa số trong hệ thống giáo dục. Năm 1908, tổng số trường Nho học ở cả hai xứ này là 15 ngàn với khoảng 200 ngàn học sinh (22). Các trường Pháp-Việt được tổ chức theo hai cấp học là Tiểu học (có các lớp Dự bị và Sơ học) và Trung học (khi đó gọi là complémentaire). Năm 1913, tổng trường Pháp-Việt ở Bắc Kỳ là 51 với hơn 6000 học sinh (23) (chỉ có một trường Trung học là Trung học Bảo hộ thành lập năm 1908, là sự sáp nhập của ba trường Thông ngôn, Jules Ferry Nam Định và Sư phạm ở Hà Nội). Ở Trung Kỳ năm 1913 có 23 trường Pháp-Việt với chưa đến 1000 học sinh (chỉ có một trường Trung học duy nhất là Quốc học Huế, thành lập năm 1898) (24). Ở Nam Kỳ, các trường dạy chữ Nho hoàn toàn bị loại khỏi hệ thống giáo dục công, chỉ một số làng lẻ tẻ vẫn duy trì các lớp học chữ Nho với lối tổ chức mang tính tự phát. Năm 1913, số trường Pháp-Việt ở Nam Kỳ là 737 trường với hơn 43 ngàn học sinh (25), chiếm hơn 90% tổng số trường Pháp-Việt ở Việt Nam.

2. Các cơ quan quản lý giáo dục ở Việt Nam từ 1918 đến 1945

u. Học chính Tổng quy và những nỗ lực Pháp hóa hệ thống giáo dục Việt Nam

Ngày 21-12-1917, Toàn quyền Albert Sarraut ký Nghị định ban hành Học chính Tổng quy (Règlement général de l'Instruction publique en Indochine), là bộ

luật giáo dục chính thức quy định về cơ quan quản lý giáo dục, hệ thống trường lớp, cơ cấu tổ chức các loại trường, chương trình, quy định về giáo viên, cách thức đánh giá, thi cử, thanh tra nhà trường. Bộ "Tổng quy" có 558 điều, chia làm bảy "thiên" (livres), mỗi thiên chia ra thành "mục" (titres), mỗi mục chia thành "tiết" (chapitres). Các quy định về cơ quan quản lý giáo dục được mô tả ở Tiết II, theo đó cơ quan đứng đầu là "Tổng nha Học chính Đông Dương" (Inspection générale de l'Instruction publique), thay mặt Toàn quyền chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến học chính toàn Đông Dương. Tổng Giám đốc có thể được coi là "Học bộ tổng trưởng" (26) (Bộ trưởng Giáo dục). Dưới quyền Tổng Giám đốc là các Phó Giám đốc (inspecteurs-adjoints), có nhiệm vụ chủ yếu là thanh tra giám sát ("thị học"), thay Tổng Giám đốc đi thanh tra xem xét các trường học. Các thanh tra gồm có Thanh tra Phổ thông (Inspecteur de l'Enseignement général), Thanh tra trường Thực nghiệp (Inspecteur de l'Enseignement professionnel) và Thanh tra Đồ thị học (Inspecteur de l'enseignement du dessin). Thanh tra Phổ thông thay Tổng giám đốc đi thanh tra các trường đệ nhất và đệ nhị cấp. Thanh tra Thực nghiệp và Đồ thị học chuyên xem xét các trường dạy nghề và dạy vẽ.

Theo Học chính Tổng quy, nền giáo dục ở toàn xứ Đông Dương có ba cấp học: hai cấp phổ thông là Tiểu học và Trung học (cấp Một và cấp Hai), cấp Ba là Cao đẳng, Đại học. Ở mỗi cấp học lại có một chức giám đốc. Các trường cấp Một (Tiểu học) ở mỗi xứ chịu sự giám sát của Giám đốc Tiểu học (Directeur de l'Enseignement primaire) riêng từng xứ. Giám đốc thuộc quyền quản lý của Thủ hiến mỗi xứ. Dưới chức giám đốc

đặt các chức thanh tra, gồm các giáo viên Pháp và Việt, người nào có bằng cấp cao và kinh nghiệm được cử đi thanh tra giám sát các trường đệ nhất cấp. Ở cấp Hai có các trường Trung học (Pháp và Pháp-Việt). Hiệu trưởng các trường Trung học (khi đó còn gọi là quan đốc) trực thuộc Thủ hiến các xứ về mặt hành chính, về mặt chuyên môn chịu sự quản lý của Giám đốc Học chính, việc bổ nhiệm do Toàn quyền Đông Dương quyết định.

Trừ các trường "cao đẳng" (Écoles supérieures) và trường "Trung học Pháp" ở Hà Nội (Lycée d'Hanoi) trực thuộc Toàn quyền Đông Dương, các trường trung học nhà nước khác (phổ thông cũng như thực nghiệp) trực thuộc quan Thủ hiến (ở Bắc Kỳ trực thuộc Thống sứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ thuộc Khâm sứ và Nam Kỳ thuộc Thống đốc).

Trước năm 1918, việc học của các trường bản xứ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ thuộc sự giám sát của các quan học chính: đốc học (tỉnh), giáo thụ (phủ), huấn đạo (huyện). Sau khi Học chính Tổng quy được ban hành, tất cả các chức quan học chính cũ bị bãi bỏ, việc học ở các xứ phải có sự giám sát của các thanh tra người Pháp. Ở các tỉnh lỵ và huyện lỵ, các trường Tiểu học, trong đó có Tiểu học toàn cấp (27) nằm dưới sự kiểm soát của một Đốc học người Pháp. Trong trường hợp thiếu thanh tra Pháp, người Việt cũng có thể đảm nhận vị trí này. Năm 1920 đã bổ nhiệm ông Trần Trọng Kim làm thanh tra Tiểu học người Việt cho các trường tiểu học ở Bắc Kỳ. Năm 1921 riêng Bắc Kỳ có năm viên thanh tra Pháp và bốn thanh tra Việt. Từ năm 1926 đến 1930, 22 huyện ở Bắc Kỳ được bố trí thanh tra, trong đó 19 thanh tra Pháp và 3 thanh tra Việt (28). Thanh tra có trách nhiệm tới thăm các trường Tiểu học và giám sát hoạt động dạy

và học, kiểm tra chương trình, tài liệu học tập cũng như đạo đức giáo viên và lập báo cáo trình lên Công sứ của tỉnh.

Các trường cao đẳng mở chung cho cả học sinh người Pháp và người Việt, tập hợp lại thành "Đại học Đông Dương" (Université Indochinoise). Bộ Học chính tổng quy để ra việc thành lập Nha Cao đẳng (Direction de l'Enseignement supérieur) để quản lý chung các trường cao đẳng đang trong quá trình thành lập, chịu trách nhiệm về việc sáng lập, tổ chức, đặt thể lệ, định chương trình cho các trường cao đẳng. Mỗi trường Cao đẳng có một Hội đồng (Conseil de l'Ecole) do Giám đốc trường làm chủ tịch, các giáo viên làm hội viên thảo luận về phương pháp dạy học, đánh giá sinh viên, lựa chọn sách giáo khoa. Giám đốc trường mỗi năm lập một sổ dự toán chi phí gửi lên Giám đốc Nha Cao đẳng.

Học chính Tổng quy để ra việc thành lập "Hội đồng cố vấn Học chính" (Conseil consultatif de l'Instruction publique) để bàn bạc nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc học ở Đông Dương. Đích thân Toàn quyền làm Chủ tịch Hội đồng, hai phó chủ tịch là Tổng giám đốc Học chính và Giám đốc Đại học, hội viên gồm năm đại diện chính quyền của năm xứ do thủ hiến các xứ đó chỉ định, ngoài ra còn có Giám đốc Viễn đông bác cổ, thanh tra giáo dục phổ thông, thanh tra trường dạy nghề và đồ họa, Hiệu trưởng trường Trung học Pháp ở Hà Nội, đại diện từ trường đại học, các nghị viên người Pháp và người Việt. Hàng năm thành viên Hội đồng họp ít nhất một lần nghe Tổng thanh tra báo cáo về các vấn đề nổi bật của giáo dục trong năm, nghe báo cáo của đại diện chính quyền các xứ về tình hình ngân sách và chỉ tiêu cho giáo dục. Hội đồng thảo luận và đề xuất ý kiến lên phủ Toàn quyền.

Nam Kỳ và Bắc Kỳ đã sớm áp dụng các quy định của Học chính Tổng quy. Từ năm 1918, tất cả các trường Nho học công lập ở Bắc Kỳ đều chuyển thành trường Pháp-Việt (29). Ở Trung Kỳ, sau kỳ thi Đình năm 1919, Bộ Học và Hội đồng hoàn thiện giáo dục bản xứ bị giải tán, trường Hậu bổ đóng cửa, giáo dục ở xứ này chuyển sang hệ thống quản lý và vận hành thống nhất trong cả nước.

b. Sự trở lại với yếu tố bản xứ trong hệ thống quản lý giáo dục ở Việt Nam kể từ đầu những năm 1930

Những biến động chính trị vào giữa những năm 20 và đầu những năm 30 thế kỷ XX có nhiều mối liên hệ đến nhà trường, trong đó có phong trào đòi ân xá cho Phan Bội Châu, tiếp đó là các cuộc bãi khóa rầm rộ liên quan đến đám tang Phan Chu Trinh. Ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng ngày càng lan truyền mạnh mẽ trong giới học sinh, sinh viên. Đặc biệt, sự phát triển của các trường Pháp-Việt giai đoạn này còn liên quan đến trào lưu cộng sản nổi lên từ giữa những năm 1920. Nếu nhìn vào lịch sử phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam, đây là giai đoạn trưởng thành nhanh chóng của các lực lượng cách mạng, trong đó có lực lượng trí thức theo xu hướng cộng sản. Được thúc đẩy từ giữa những năm 1920, kể từ khi Thanh niên Cách mạng đồng chí hội được Nguyễn Ái Quốc thành lập năm 1925, các trí thức cách mạng đã coi trường học là môi trường thuận lợi để liên kết và phát triển phong trào. Nhận thức được học sinh, sinh viên, giáo viên là một lực lượng tiên phong trong dẫn dắt phong trào cách mạng, các viên Toàn quyền Pasquier và Thống sứ Bắc Kỳ Robin đã tìm cách kiểm soát hoạt động nhà trường chặt chẽ hơn. Trong bài diễn văn khai mạc Hội đồng Nghị viện Bắc Kỳ (Viện

Nhân dân đại biểu Bắc Kỳ) tháng 9 năm 1930, Thống sứ Bắc Kỳ Robin nhận xét về vai trò của trường học trong các vụ biến động cách mạng: *"Xem việc biến động vừa rồi thì biết rằng bọn thầy giáo cùng học trò rất dễ cổ động theo cách mệnh, và muốn đổi phó với cái tình hình đó thời tất phải nghiên cứu một cách khác để tổ chức lại việc học"* (30).

Được sự cổ súy của nhà cầm quyền Pháp, Bảo Đại, vừa từ Pháp trở về Huế năm 1932 để kế nghiệp nhà Nguyễn, đã khởi xướng một số cải cách nhằm đưa Bắc Kỳ và Trung Kỳ trở về với thể chế bảo hộ chặt chẽ theo Hiệp ước 1884. Tháng 10 năm 1932, Bộ Học được thành lập lại do Phạm Quỳnh làm Thượng thư, gọi là Bộ Quốc dân giáo dục, việc quản lý giáo dục Sơ học trao cho triều đình Huế đảm nhiệm. Giáo dục đạo đức, đặc biệt là đạo đức Nho Giáo được chú trọng. Theo Nghị định của Toàn quyền ngày 16 tháng 8 năm 1932, các trường hương thôn nắm quyền tự chủ về ngân sách, tự tuyển chọn giáo viên và chương trình. Ở các bậc học cao hơn (từ Tiểu học trở lên), nhà cầm quyền Pháp vẫn nắm quyền chỉ phối.

Thống sứ Robin nhấn mạnh việc cần thiết phải chấn chỉnh lại "tư cách" của các giáo viên. Nghị định ngày 18-9-1930 quy định các chức quan Học chính trực tiếp nằm dưới quyền quan Công sứ và đứng ở ngạch thứ ba tại Bắc Kỳ, chỉ sau quan Hành chính và quan Tư pháp. Quan Học chính gồm có Huấn đạo, Giáo thụ, Kiểm học và Đốc học, có trách nhiệm thanh tra và kiểm soát các trường công, trường tư bậc Tiểu học. Ngoài ra các Giáo thụ, Huấn đạo trực tiếp quản trường Tiểu học Pháp-Việt lớn nhất trong phủ hoặc huyện, nhưng được miễn dạy học, dành hoàn toàn thời gian cho việc quản lý. Về mặt hành chính

và chuyên môn, các Huấn đạo và Giáo thụ trực tiếp dưới quyền Kiểm học và Đốc học. Về mặt chính trị thì thuộc quyền tri phủ hay tri huyện trong vùng. Kiểm học và Đốc học ở các tỉnh lớn đều là quan đứng đầu bậc Sơ học Pháp-Việt trong tỉnh, thuộc quyền quản lý trực tiếp của Công Sứ về mặt chính trị, hành chính, thuộc quyền Giám đốc Học chính Bắc Kỳ về mặt chuyên môn. Các quan Học chính đều có lính lệ phục vụ và hưởng lương theo ngạch quan lại. Nếu lương quan Tổng đốc hạng nhất ở vùng Trung châu là 8.400 đồng, quan tư pháp hạng nhất 8.400 đồng thì Đốc học hạng nhất hưởng lương 6.450 đồng (31).

Kết luận

Cùng với việc thiết lập bộ máy chính quyền thực dân, một cơ quan quản lý giáo dục mới cũng dần được xây dựng ở Việt Nam thời Pháp thuộc. Quá trình này có thể chia làm hai giai đoạn: trước năm 1918, Nam Kỳ, Bắc Kỳ và Trung Kỳ có một hệ thống quản lý giáo dục tương đối khác biệt. Theo đó, ở Nam Kỳ hệ thống trường học và thi cử Nho giáo chấm dứt từ năm 1867 cùng với việc các quan học chính theo hệ thống Nho học bị triệu hồi về Huế. Sở Học chính Nam Kỳ được thiết lập từ năm 1879 nhằm việc điều hành giáo dục ở xứ này. Trong khi đó, vào năm 1905 Sở Học chính mới được hình thành ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ cùng với hai cơ quan giáo dục khác là Hội đồng Học chính và Hội đồng hoàn thiện giáo dục bản xứ. Trong thời kỳ này, các quan học chính bản xứ vẫn duy trì hoạt động để phục vụ cho việc học tập và thi cử truyền thống, mặc việc điều phối đều do các quan thủ hiến người Pháp đảm nhiệm. Học chính Tổng quy ban hành cuối năm 1917 đã làm thay đổi diện mạo giáo dục Việt Nam. Trong lĩnh vực quản lý, một cơ quan chung nắm quyền điều hành

giáo dục là Tổng Nha Học chính Đông Dương. Dưới Tổng Nha Học chính là các Sở Học chính theo dõi hoạt động các trường học ở từng xứ. Ngoài Tổng Nha Học chính còn có Hội đồng giáo dục do đích thân Toàn quyền làm chủ tịch. Theo cơ chế quản lý mới, tất cả các quan học chính bản xứ đều bị miễn nhiệm kể từ năm 1918 ở Bắc Kỳ và năm 1919 ở Trung Kỳ để đảm

bảo cho một hệ thống giáo dục định hướng theo mô hình Pháp trên toàn Đông Dương. Tuy nhiên, vào năm 1932, yếu tố bản xứ phục hồi trở lại. Chức quan học chính theo hệ thống Nho giáo được khôi phục và Bộ quốc gia giáo dục được lập lại để giám sát việc học của các trường Sơ học, một loại trường mới được mở ra kể từ năm 1926 học chủ yếu bằng chữ quốc ngữ.

CHÚ THÍCH

(1). Tạ Thị Thuý (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, Tập VIII, 1919-1930, Viện Sử học, Hà Nội, 2007, 236 trang.

(2). Xem *Đại Nam điển lễ toát yếu*, Nguyễn Sĩ Giác phiên âm và dịch nghĩa, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, 571 trang.

(3). Xem *Bổ quốc sử - Đại Nam điển lễ toát yếu* của cụ Hiệp biện Đỗ Văn Tâm soạn, Phan Kế Bính dịch Nôm, *Đông Dương Tạp chí*, số 50-1909.

(4). *Bổ quốc sử - Đại Nam điển lễ toát yếu* của cụ Hiệp biện Đỗ Văn Tâm soạn, Phan Kế Bính dịch Nôm, *Đông Dương tạp chí*, số 50-1909.

(5). Cuốn *Đại Nam điển lễ toát yếu* của Đỗ Văn Tâm soạn năm 1909 được Thống sứ Bắc Kỳ ký thông qua ngày 23-12-1909 chỉ thấy quy định 6 bộ là Lại, Lễ, Hộ, Binh, Hình, Công. Việc học và thu cù do bộ Lễ phụ trách.

(6). *Bổ quốc sử - Đại Nam điển lễ toát yếu*, sđd.

(7). Xem "Bản quy chế giáo dục năm 1906", *Parcours d'un historien du Vietnam- Recueil des articles écrits par Nguyễn Thế Anh*, Les Indes savants, Paris, 2008, tr. 847-853.

(8). Theo Philippe Devillers. *Người Pháp và người An Nam - Bạn hay thù?* Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr. 288.

(9). Theo Lâm Văn Bá, *Collège de My Tho: trường Trung học đầu tiên ở Nam Kỳ*, xem namkyluctinh.org/a-xhdsong/lvbe-collegedemytho.pdf

(10). Theo L'Instruction publique des indigenes en Indo-Chine, *La Dépêche Coloniale*, 16 Mai 1908, Paris.

(11). Xem Lâm Văn Bé, sđd; Cao Tự Thanh. *Nho giáo ở Gia Định*, Nxb. Văn hoá Sài Gòn, Saigon Media, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010; Dương Kinh Quốc, *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005.

(12). Theo Lâm Văn Bé, sđd.

(13). Collège Chasseloup Laubat được lập năm 1875 dành cho học sinh có quốc tịch Pháp.

(14). Xem Trần Thị Phương Hoa. *Giáo dục Bắc Kỳ đầu thế kỷ XX đến năm 1915 - chuyển các trường Nho giáo sang trường Pháp-Việt*. Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 11/2010, tr. 49-58.

(15). Theo Dumoutier, M.G. (1887), *Les Debuts de l'enseignement Francais au Tonkin*, Hanoi, F.-H Schneider., năm 1886, kinh phí giáo dục cho mỗi đầu người ở Bắc Kỳ là 15 xu/năm. Theo Dumoutier, M.G. (1900), "Rapport du.

(16). Doumer làm Toàn quyền Đông Dương trong vòng 5 năm từ 1897 đến 1901. Năm 1902, Doumer đã công bố báo cáo về quá trình 5 năm tại chức của mình trong *Situation de l'Indo-chine (1897-1901)*. Rapport par M. Paul Doumer, Gouverneur-Général. Hanoi, F.H.Schneider, 1902. pp. 550. Trích dẫn được lấy từ bài Nhận định về Báo cáo của Paul Doumer đăng trên *T'oung Pao* (1902), Second Series, Vol.3, No.2.

(17). Nt, tr. 124

(18). Ban Học chính Trung-Bắc Kỳ (Direction du Service de l'Enseignement en Annam et au Tonkin) được thành lập năm 1890 theo Nghị định số 248 ngày 17 tháng 2 năm 1890 của Toàn quyền Đông Dương, theo đó Dumoutier được chỉ định làm Giám đốc. Về thực chất, Dumoutier chỉ có trách nhiệm theo dõi hoạt động các trường học, đề xuất kiến nghị và báo cáo lên Toàn quyền Đông Dương cũng như Thống sứ Bắc Kỳ. Đây chưa phải là một cơ quan quản lý giáo dục theo đúng chức năng nhiệm vụ của nó.

(19). Xem "Bản quy chế giáo dục năm 1906", Nguyễn Thế Anh dịch từ châu bản triều Nguyễn, *Parcours d'un historien du Vietnam- Recueil des articles écrits par Nguyễn Thế Anh*, Ed. par Phillip Papin. Les Indes savants, 2008, 847-853.

(20). Phòng Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (Fonds de la Résidence Supérieure au Tonkin- RST), RST-73395, Recueil des arrêtes et circulaires et correspondances diverses concernant l'organisation de l'enseignement franco-annamite et l'enseignement traditionnel de 1903 à 1909.

(21). RST-73395, tờ 77.

(22). L'Instruction publique des indigènes en Indo-Chine, *La Dépêche Coloniale*. 15 Mai 1908.

(23). Le Tonkin Scolaire, IDEO, Hà Nội, 1931.

(24). L'Annam Scolaire, IDEO, Hà Nội, 1931, tr. 28.

(25). *Annuaire Statistique de l'Indochine*, Premier Volume, 1913-1922, IDEO, Hà Nội, 1927.

(26). Các thuật ngữ học chính dùng theo Nam Phong (1918), "Biểu dịch các danh từ về học chính", số 12, tháng 6 năm 1918, tr. 343-344.

(27). Ecoles de plein exercice, còn gọi là trường toàn cấp hay trường bị thể, là trường Tiểu học có đầy đủ các lớp gồm: Ấu học (Enfant), Dự bị (Preparatoire), Sơ học (Elementaire), lớp Nhì (Moyen) và lớp Nhất (Superieur).

(28). Le Tonkin Scolaire, IDEO, Hà Nội, 1931.

(29). Xem Trần Thị Phương Hoa. *Giáo dục Bắc Kỳ đầu thế kỷ XX đến năm 1915 - chuyển các trường Nho giáo sang trường Pháp-Việt*. Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 11/2010, tr. 49-58.

(30). *Trung Bắc tân văn*, "Bài diễn văn của Quan Thống sứ Robin đọc tại Viện nhân dân đại biểu buổi Hội đồng khai mạc", ngày 28 tháng 9 năm 1930.

(31). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, J-144. *Bulletin officiel en Langue Indigene*, 1931, tr. 22.